

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - KHÁNH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2025.

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6- KHÁNH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Phước Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lãng.

2. Bà Kator Thị Quanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Yên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn S, sinh ngày 27/10/1995 (có mặt).

CCCD số: 058195010356, cấp ngày 01/9/2021.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Bị đơn: Anh Huỳnh Anh T, sinh ngày 09/9/1992 (vắng mặt).

CCCD số: 058092002287

Địa chỉ: Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Huỳnh Anh T tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Cả hai có tổ chức đám cưới vào năm 2013. Sau khi có con đầu lòng cả hai mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nay là xã N, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 14/5/2014. Thời gian đầu chung sống vợ chồng sống cùng ba mẹ anh T tại Thôn T, sống được hai năm thì cả hai ra thuê nhà trọ ở riêng nhưng cũng ở địa phương thôn T, xã T. Thời gian đầu chung sống vợ chồng sống có hạnh phúc, có nhiều lần cãi vã nhau nhưng chỉ vì những lý do mâu thuẫn

nhỏ nhất. Đến cuối năm 2020 đầu năm 2021 chị S phát hiện anh T có nhắn tin nói chuyện tình cảm với người phụ nữ khác nên cả hai có cãi vã, thường xuyên lời qua tiếng lại. Tuy nhiên cũng trong năm 2021 anh T bị bắt vì hành vi liên quan đến ma túy và bị xử phạt 04 năm tù. Thời gian anh T chấp hành hình phạt tù chị S có đến thăm hai lần và sau đó không đến nữa. Đến tháng 6/2025 anh T đã chấp hành xong án phạt và trở về nhà sống cùng mẹ, còn chị S sống cùng các con tại nhà trọ. Chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng có nhiều mâu thuẫn từ trước khi anh T đi chấp hành án và đến nay tình cảm vợ chồng đã không còn, có quay về chung sống đoàn tụ cũng không có hạnh phúc vì vậy chị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn S được ly hôn với anh Huỳnh Anh T.

- Về con chung: Chị S và anh T có hai người con chung là Huỳnh Nhật Tuấn A, sinh ngày 16/01/2013 và Huỳnh Nhật Quỳnh A1, sinh ngày 18/01/2018. Trước khi làm thủ tục ly hôn chị S và anh T có trao đổi với nhau về việc nuôi con chung và thống nhất mỗi người nuôi dưỡng một người con vì vậy tại đơn khởi kiện chị S có yêu cầu khi ly hôn chị S sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Nhật Quỳnh A1, sinh ngày 18/01/2018 và giao cháu Huỳnh Nhật Tuấn A, sinh ngày 16/01/2013 cho anh T nuôi dưỡng. Không ai cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Tuy nhiên trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập anh Huỳnh Anh T để lấy lời khai ghi nhận ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của chị S nhưng anh T không đến làm việc. Chị S nhận thấy anh T không có thiện chí, không có trách nhiệm đối với con chung, hiện nay cũng mới chấp hành án về chưa có công việc cụ thể, không có khả năng nuôi con, giao con cho anh T nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo cho sự phát triển của con. Từ trước đến nay chị S buôn bán quán nước, thu nhập không cố định một mức, tuy nhiên đủ khả năng nuôi dưỡng các con. Mặt khác chị S là người trực tiếp chăm sóc các con khi anh T đi chấp hành án, vì vậy chị S thay đổi yêu cầu khởi kiện. Khi ly hôn chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là Huỳnh Nhật Tuấn A, sinh ngày 16/01/2013 và Huỳnh Nhật Quỳnh A1, sinh ngày 18/01/2018. Không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Huỳnh Anh T đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ đến Tòa án để ghi lời khai, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 22/8/2025. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 22/8/2025 nhưng anh Huỳnh Anh T vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành hòa giải được.

* Tại các biên bản xác minh ngày 13/9/2025 tại Công an xã N xác định anh Huỳnh Anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nay là Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa. Tại biên bản làm việc ngày 14/8/2025 đối với bà Nguyễn Thị Thanh T1 (mẹ của bị đơn Huỳnh anh T) xác định quá trình kết hôn, chung sống và con chung giữa anh T và chị S đúng như trình bày của chị S. Chị S và anh T không có tình cảm nên hiện nay không chung sống với nhau và anh T có nhờ bà T1 nuôi dưỡng các con khi ly hôn nhưng bà T1 không có khả năng nuôi dưỡng. Anh T hiện đang đi làm thuê thỉnh thoảng về nhà nên bà T1 sẽ nhận thay anh T các văn bản do Tòa án tổng đạt và cam đoan sẽ thông báo cho anh T biết nội dung liên quan.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký luôn tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng dân sự là nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Riêng bị đơn vắng mặt nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Nguyễn S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết con chung khi ly hôn với anh Huỳnh Anh T. Chị S yêu cầu nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị S không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn anh Huỳnh Anh T có nơi cư trú tại Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), HĐXX xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của đương sự:

Sau khi thông báo việc thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo thay đổi yêu cầu khởi kiện nội dung có ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị S (*Yêu cầu ly hôn và nuôi con*). Chứng cứ kèm theo là bản sao Căn cước công dân, Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh của con. Tuy nhiên, trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại Điều 199 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn (anh T) không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp (*khoản 2 Điều 92 của BLTTDS*). Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Điều này chứng tỏ bị đơn anh T đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy chị S và anh T tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận nay là xã N, tỉnh Khánh Hòa theo số 29, quyển số 01/2012 vào ngày 14/5/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù

hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo lời trình bày của chị S có trong hồ sơ vụ án thể hiện: trước khi anh T đi chấp hành án vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác và sau khi anh T chấp hành án xong trở về đến nay vợ chồng đã không chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn. Điều này phù hợp với những lời trình bày, xác định của bà Nguyễn Thị Thanh T1 – mẹ của anh T. Chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, có quay về chung sống đoàn tụ cũng không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng của chị S và anh T là nghiêm trọng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có lỗi từ phía anh T. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn anh T.

[2.2] Về con chung: Khi ly hôn chị S có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung là Huỳnh Nhật Tuấn A, sinh ngày 16/01/2013 và Huỳnh Nhật Quỳnh A1, sinh ngày 18/01/2018. Xét thấy chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ khi các con còn nhỏ cho đến nay, con chung là các con chung cũng có nguyện vọng được ở với chị S, chị S hiện có chỗ ở, việc làm, thu nhập ổn định. Mặt khác không ghi nhận được ý kiến của anh T về việc nuôi dưỡng con chung và mẹ anh T (bà Nguyễn Thị Thanh T1) xác định anh T có trao đổi về việc sau khi ly hôn anh T sẽ nhờ bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng bà T1 không có khả năng nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển bình thường, ổn định và theo nguyện vọng của con chung, HĐXX xét thấy nên tiếp tục giao chị S tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị S không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Xét quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về quan hệ hôn nhân, về con chung nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn S đối với bị đơn là anh Huỳnh Anh T về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn S được ly hôn anh Huỳnh Anh T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn S có quyền và nghĩa vụ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Huỳnh Nhật Tuấn A, sinh ngày 16/01/2013 và Huỳnh Nhật Quỳnh A1, sinh ngày 18/01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được. Anh Huỳnh Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn S không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0000181 ngày 21/7/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Chị S đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6, tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã Ninh Hải;
- (GCNKH số 29, ngày 14/5/2014);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Phước Trí